

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19- 3- 2019
V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.
2. Bà Trần Thị Mỹ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Vào ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp việc chia tài sản chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Kim T, sinh 1980. Địa chỉ: Ấp Tân Thiềng, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Diệp Tấn Thái H, sinh 1984. Địa chỉ: Ấp Tân Thiềng, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018, nguyên đơn Trương Kim Thu trình bày:

Năm 2018, chị Trương Kim T và anh Diệp Tấn Thái H ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Khi đó, Tòa án chỉ giải quyết mỗi

quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Cụ thể, chị T và anh H thuận tình ly hôn. Về con chung, giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Diệp Thái K, sinh ngày 25/9/2009 và cháu Diệp Thúy A, sinh ngày 14/6/2012. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Những nội dung này được ghi vào quyết định thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung, chị T và anh H tự thỏa thuận, không ghi vào quyết định thuận tình ly hôn. Việc thỏa thuận như sau:

Chị T giao toàn bộ tài sản chung cho anh H trọn quyền sở hữu, anh H có nghĩa vụ chia chị T giá trị tài sản chung là 230.000.000đ và anh H có nghĩa vụ giao tiền cho chị T đến hết tháng 11 năm 2018 là dứt điểm. Nhưng anh H không thực hiện nên chị T khởi kiện yêu cầu anh H chia trả chị T 230.000.000đ như đã thỏa thuận. Tài sản chung giao anh H trọn quyền sở hữu gồm cây con đang ươm trên các diện tích đất:

- Cây chôm chôm có trên diện tích 4.000m² thuê của Nguyễn Hoàng D ở ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây sầu riêng có trên diện tích 3.000m² thuê của Nguyễn Kim L và Trương Văn P, ở ấp Tân Thiềng, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây sầu riêng có trên diện tích 3.000m² thuê của Huỳnh Văn C và Trần Thị Châu S ở ấp Tân Thiềng, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây sầu riêng có trên diện tích 3.000m² thuê của Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L ở ấp Tân Thiềng, xã Tân long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây mít có trên diện tích 7.000m² thuê của Bạch Thị N ở ấp Phú An, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây mít có trên diện tích 3.500m² hợp tác với Bùi Văn T ở ấp Hòa Hiệp, xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng giá trị là 5.650.000.000đ.

Qua quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải, bị đơn Diệp Tấn Thái H trình bày:

Anh H thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung và thuê đất và hợp tác làm ăn là đúng. Tuy nhiên, anh H không thừa nhận

giá trị tài sản chung chị T đưa ra. Anh H cho rằng chị T chỉ ước tính, chưa tính toán chi phí công sức, thuốc, phân bón đã đầu tư.

Anh H thừa nhận, khi ly hôn có thỏa thuận giao toàn bộ cây con đã ươm cho anh H trọn quyền sở hữu, anh H có nghĩa vụ chia chị T 230.000.000đ và giao chị T 100.000.000đ để trả nợ bên chị T. Tổng cộng anh H có nghĩa vụ chia và giao chị T 330.000.000đ. Thời gian thực hiện chia tài sản đến hết tháng 11 năm 2018 là kết thúc.

Sau khi ly hôn anh H đã giao chị T 180.000.000đ, thì gặp khó khăn trong làm ăn nên không giao tiền tiếp cho chị T đúng theo thỏa thuận.

Tại phiên hòa giải chị T và anh H thống nhất xác định: Sau khi ly hôn, chị T đã nhận của anh H 180.000.000đ, trong đó, trả nợ gốc là 100.000.000đ, trả lãi là 50.000.000đ; chia giá trị tài sản chung là 30.000.000đ. Tức là sau khi trả nợ gốc và lãi, giá trị tài sản chung của vợ chồng là 460.000.000đ, thỏa thuận chia đôi mỗi người 230.000.000đ. Anh H đã giao chị T 30.000.000đ, còn lại giá trị tài sản chung anh H chưa chia chị T là 200.000.000đ.

Hiện nay hoàn cảnh kinh tế anh H khó khăn, đang nuôi dưỡng hai con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh H yêu cầu chị T giảm 70.000.000đ. Còn lại 130.000.000đ anh H sẽ chia chị T. Chị T không đồng ý theo yêu cầu giảm 70.000.000đ của anh H.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu. Cụ thể chị T yêu cầu anh H chia tiếp giá trị tài sản chung là 200.000.000đ trong thời hạn 03 tháng. Anh H xin giảm số tiền chia tài sản chung xuống còn 130.000.000đ và gia hạn thời hạn giao tiền là 03 năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị T và anh H đã ly hôn bằng Quyết định có hiệu lực pháp luật số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Trong quyết định không giải quyết phần chia tài sản chung. Nay chị, T khởi kiện anh H yêu cầu chia tài sản chung. Anh H có địa chỉ tại ấp Tân Thiềng, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm và xác định tranh chấp việc chia tài sản sau khi ly hôn là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Chị T và anh H đều thừa nhận, sau khi giao chị T 150.000.000đ trả nợ bên chị T, tài sản chung là cây ươm còn lại có giá trị là 460.000.000đ. Chị T và anh H thỏa thuận chia đôi mỗi người 230.000.000. Khi đó, anh H trọn quyền sở

hữu tài sản là cây ươm có trên diện tích thuê và hợp tác nêu trong đơn khởi kiện, anh H có nghĩa vụ chia và trả chị T 230.000.000đ, thời gian thực hiện bằng nhiều lần và đến hết tháng 11 năm 2018 là dứt điểm. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các bên có nghĩa vụ thực hiện như một hợp đồng dân sự. Hợp đồng đó với nội dung: Khi ly hôn chị T sẽ giao toàn bộ cây ươm cho anh H trọn quyền sở hữu, anh H có nghĩa vụ chia tài sản chung là giá trị cây ươm là 230.000.000đ. Anh H mới giao chị T 30.000.000đ. Như vậy, anh H đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ chia và giao giá trị tài sản chung chị T. Nên chị T yêu cầu anh H chia và trả tiếp 200.000.000đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 59 và Điều 64 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Anh H cho rằng hiện nay kinh tế khó khăn, đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung mà chị T không có cấp dưỡng, nên anh H yêu cầu chị T giảm phần yêu cầu chia tài sản chung là giá trị cây ươm xuống còn 130.000.000đ và gia hạn thời gian giao tiền 03 năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Bởi: Chị T không đồng ý và không có thỏa thuận khi thỏa thuận chia tài sản chung. Hơn nữa: Việc chị T không cấp dưỡng nuôi hai con chung là quan hệ khác, không làm thay đổi thỏa thuận ban đầu về việc chia tài sản chung; thời gian thực hiện chia và giao giá trị tài sản chung được thực hiện trong quá trình thi hành bản án.

[3]. Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về việc mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh H và chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản chung được chia là đúng pháp luật. Án phí anh H phải chịu là $(230.000.000đ \times 5\%) = 11.500.000đ$, án phí chị T phải chịu là $(200.000.000đ \times 5\%) = 10.000.000đ$. Chị T được khấu trừ 5.750.000đ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 59 và Điều 64 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Kim T:

1. Buộc anh Diệp Tấn Thái H chia và giao giá trị tài sản chung cho chị Trương Kim T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Anh Diệp Tấn Thái H có nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Giao anh Diệp Tấn Thái H trọn quyền sở hữu đối với bộ cây ươm hiện có đã nêu trong vụ án. Cụ thể:

- Cây chôm chôm có trên diện tích 4.000m² thuê của Nguyễn Hoàng D ở ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây sầu riêng có trên diện tích 3.000m² thuê của Nguyễn Kim L và Trương Văn P, ở ấp Tân Thiềng, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây sầu riêng có trên diện tích 3.000m² thuê của Huỳnh Văn C và Trần Thị Châu S ở ấp Tân Thiềng, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây sầu riêng có trên diện tích 3.000m² thuê của Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L ở ấp Tân Thiềng, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây mít có trên diện tích 7.000m² thuê của Bạch Thị N ở ấp Phú An, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Cây mít có trên diện tích 3.500m² hợp tác với Bùi Văn T ở ấp Hòa Hiệp, xã Trung Thành tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc chị Trương Kim T nộp 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T được khấu trừ 5.750.000đ (năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 30/11/2018, lai số 0006741. Chị T có nghĩa vụ nộp tiếp 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

3.2. Buộc anh Diệp Tấn Thái H nộp 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Trương Kim T, bị đơn Diệp Tấn Thái H. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CC THADS huyện Mang Thít;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vĩnh

